

Số: /2024/NQ-HĐND

An Giang, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc
thiểu số trên địa bàn tỉnh An Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15,
Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số
32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của
Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định về chính sách đất đai đối với đồng
bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh An Giang; báo cáo thẩm tra của Ban Pháp
chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh
tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định chính sách về đất đai đối
với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đồng bào dân tộc thiểu số chưa có đất sinh hoạt cộng đồng trong đơn vị
hành chính cấp huyện.

b) Cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền.

c) Cơ quan quản lý có chức năng quản lý đất đai, công tác dân tộc; Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ chính sách

1. Cá nhân được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải thường trú tại địa phương nơi có đất được chuyển mục đích sử dụng đất, được thuê đất.

2. Việc xác định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền.

3. Việc bố trí quỹ đất sinh hoạt cộng đồng, cho thuê đất được căn cứ vào điều kiện quỹ đất hiện có của địa phương và quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt và công bố.

4. Đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng; đối tượng được hỗ trợ phải sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Điều 3. Chính sách hỗ trợ đất sinh hoạt cộng đồng cho đồng bào dân tộc thiểu số

Đồng bào dân tộc thiểu số chưa có đất sinh hoạt cộng đồng được Ủy ban nhân dân cấp huyện bố trí khu đất sinh hoạt cộng đồng gắn với hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao, phù hợp với phong tục, tập quán, tín ngưỡng, bản sắc văn hóa, đảm bảo diện tích tối thiểu 300 m²/khu đất.

Điều 4. Chính sách hỗ trợ đất đai lần đầu

Đối tượng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này được hưởng chính sách hỗ trợ đất đai lần đầu như sau:

1. Được miễn tiền sử dụng đất khi chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất khác đang sử dụng hợp pháp sang đất ở trong hạn mức giao đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

2. Được giảm 50% tiền thuê đất khi Nhà nước cho thuê đất phi nông nghiệp không phải là đất ở để sản xuất, kinh doanh theo chương trình, đề án, dự án, phương án hỗ trợ đất để sản xuất, kinh doanh.

Điều 5. Chính sách hỗ trợ đất đai để bảo đảm ổn định cuộc sống

Đối tượng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này đã được hưởng chính sách hỗ trợ đất đai lần đầu theo quy định pháp luật nhưng nay không còn hoặc thiếu đất so với hạn mức thì được hưởng chính sách hỗ trợ đất đai để bảo đảm ổn định cuộc sống như sau:

1. Được miễn tiền sử dụng đất khi chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất khác đang sử dụng hợp pháp sang đất ở trong hạn mức giao đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

2. Được giảm 50% tiền thuê đất khi Nhà nước cho thuê đất phi nông nghiệp không phải là đất ở để sản xuất, kinh doanh theo chương trình, đề án, dự án, phương án hỗ trợ đất để sản xuất, kinh doanh.

Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách

Nguồn kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định khoản 3 Điều 8 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh: Tổ chức thực hiện Nghị quyết này và tiếp tục rà soát, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang Khóa X, Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2024 và có hiệu lực từ ngày ... tháng năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Ủy ban Dân tộc;
- Vụ Công tác Quốc hội, Địa phương và Đoàn thể - VPCP;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Website Chính phủ;
- Bí thư Tỉnh ủy;
- Thường trực, Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan thường trú TTXVN tại AG, Báo Nhân dân tại AG, Truyền hình Quốc hội tại tỉnh An Giang;
- Báo An Giang, Đài PT-TH AG;
- Website tỉnh, Cổng thông tin điện tử Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Công tác HĐND.

CHỦ TỊCH